

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Lin
2. Bà Nguyễn Thị Rạt

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Toà án.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: ấp A, xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*(Các đương sự đều vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết S với ông Nguyễn Văn N xác lập quan hệ vợ chồng năm 2013; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông N không chăm lo gia đình và thường xuyên ăn nhậu. Từ tháng 5 năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân. Nay bà S yêu cầu được ly hôn với ông N.

*Về con chung và cấp dưỡng:* Bà S với ông N có một con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/02/2015; hiện nay bà S đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi con; không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà S xác định không có nợ chung với ông N.

***Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:***

Ông N thống nhất với lời trình bày của bà S về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng; đời sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Bà S yêu cầu ly hôn thì ông N đồng ý.

*Về con chung và cấp dưỡng:* Ông N với bà S có một con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/02/2015; hiện nay bà S đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi con thì ông N đồng ý; ông N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Ông N xác định không có nợ chung với bà S.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà S và bị đơn ông N đều vắng mặt, nhưng đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “tranh chấp ly hôn”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S, bị đơn ông Nguyễn Văn N đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì nguyên đơn bà S yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tình cảm vợ chồng; về nuôi con chung, cấp dưỡng; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với nhau. Bị đơn ông N không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử

chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Theo Trích lục kết hôn và sự thừa nhận của đương sự thì bà S và ông N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 06/12/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S với ông N là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân và không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà S với ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà S đối với ông N.

[6] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo các Giấy khai sinh và sự thừa nhận của các đương sự thì bà S với ông N có một con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/02/2015. Sau khi ly hôn, bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi con thì ông N đồng ý; bà S không yêu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung với nhau nên không đề cập.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Tuyên xử;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết S đối với ông Nguyễn Văn N.

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết S được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

*Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Nguyễn Văn N có một con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/02/2015; bà S đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà S được quyền tiếp tục nuôi con; ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Đương sự trình bày không có nợ chung.

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo Biên lai số 0004787 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hoà;
- UBND xã B, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Phương**